|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2021/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định*

*số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động cho vay giữa các tổ chức tín dụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng, không bao gồm Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Khách hàng được cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh có tác động đến môi trường là dự án, phương án sản xuất, kinh doanh thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Rủi ro môi trường là khả năng xảy ra tổn thất về tài sản, vốn và thu nhập của chủ thể thực hiện các dự án, phương án sản xuất - kinh doanh có tác động xấu đến môi trường, phát sinh các sự cố môi trường hoặc do vi phạm quy định về bảo vệ môi trường bị cơ quan xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng là rủi ro tín dụng của tổ chức tín dụng do khách hàng gặp rủi ro môi trường theo quy định tại Thông tư này.

4. Rủi ro của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất làm giảm thu nhập, vốn tự có dẫn đến giảm tỷ lệ an toàn vốn hoặc hạn chế khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của tổ chức tín dụng.

5. Đánh giá rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay là việc đo lường mức độ rủi ro môi trường của dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh được đề xuất cho vay và các khoản cho vay đối với dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh của khách hàng phải đánh giá rủi ro môi trường theo quy định tại Thông tư này.

6. Quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng là việc phân loại, nhận dạng, đo lường rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và việc theo dõi, kiểm soát, đề xuất giải pháp khắc phục, hạn chế rủi ro phát sinh.

7. Hệ thống quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng bao gồm các quy định nội bộ về đánh giá rủi ro môi trường xã hội trước và trong cho vay, hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, phương pháp đánh giá rủi ro, quy định về phân loại, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cấp tín dụng có rủi ro về môi trường và cơ cấu tổ chức, phòng, ban thực hiện quản lỷ rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay.

**Điều 4. Quyền tự chủ của tổ chức tín dụng khi quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng**

1. Tổ chức tín dụng có quyền tự chủ trong việc tổ chức đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro môi trường của dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng để thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng. Kết quả đánh giá rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng phục vụ công tác quyết định cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng có quyền sử dụng kết quả đánh giá rủi ro môi trường của dự án của tổ chức có chuyên môn về môi trường hoặc kết quả đánh giá rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổ chức tín dụng có quyền từ chối cấp tín dụng đối với khách hàng có dự án đầu tư, phương án kinh doanh không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức tín dụng không cấp tín dung đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 5. Nguyên tắc quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng**

**1.** Tổ chức tín dụng xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng độc lập hoặc lồng ghép trong quy định nội bộ về cấp tín dụng và kiểm soát nội bộ, nhưng đảm bảo nguyên tắc phân định trách nhiệm với khâu quyết định cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các hoạt động cấp tín dụng.

**2.** Tổ chức tín dụng đánh giá rủi ro môi trường, rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo quy trình nội bộ do tổ chức tín dụng xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

**3.** Tổ chức tín dụng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường để xác định rủi ro của khoản cấp tín dụng, là căn cứ xếp hạng tín dụng khách hàng, xác định lãi suất, chi phí cấp tín dụng và các điều kiện cấp tín dụng phù hợp hoặc bổ sung các điều kiện cấp tín dụng, cảnh báo khách hàng về rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng khi có biến cố hoặc phát sinh sự cố về môi trường.

**4.** Tổ chức tín dụng thực hiện phân loại, trích lập dự phòng rủi ro và quản lý rủi ro tín dụng đối với khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 6. Chính sách về môi trường**

Tổ chức tín dụng xây dựng và công bố chính sách về môi trường của tổ chức mình, trong đó bao gồm cam kết quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Chính sách về môi trường của tổ chức tín dụng phải được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban điều hành của tổ chức tín dụng.

**Điều 7. Khoản cấp tín dụng phải thực hiện đánh giá rủi ro môi trường**

Tổ chức tín dụng thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động động cấp tín dụng, trừ các hình thức cấp tín dụng, khoản cho vay đáp ứng nhu cầu vay vốn sau của khách hàng:

1. Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu; bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng; cho thuê tài chính; cho vay qua nghiệp vụ phát hành thẻ tín dụng.

2. Các khoản cho vay đáp ứng nhu cầu vốn sau:

a) Phục vụ nhu cầu đời sống, cho vay tiêu dùng của công ty tài chính tiêu dùng;

b) Khoản cho vay đối với các dự án đầu tư, phương án kinh doanh thuộc các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, lưu thông hàng hóa không phát thải chất thải, khí thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường;

c) Các khoản đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ công tác quản lý của khách hàng vay vốn.

3. Khoản cho vay chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất thuộc Nhóm IV – không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 8. Thông tin quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng**

Thông tin phục vụ việc quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng bao gồm từ một hoặc tất cả các thông tin sau:

1. Thông tin về môi trường tại Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của khách hàng;

2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật, Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp, phê duyệt;

3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có).

4. Thông tin về môi trường của sản phẩm, hàng hóa thực hiện dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh của khách hàng vay vốn và thông tin kiểm định về bảo vệ môi trường của sản phẩm, hàng hóa từ việc thực hiện dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh;

5. Thông tin khảo sát thực tế và thông tin từ cơ quan chức năng về hoạt động của dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh của khách hàng liên quan đến thực hiện quy định về bảo vệ môi trường (nếu có);

6. Báo cáo về tình hình chấp hành quy định về bảo vệ môi trường của khách hàng vay vốn (nếu có);

7. Thông tin về rủi ro môi trường của khách hàng tại tổ chức tín dụng khác (nếu có);

8. Các thông tin khác liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.

**Điều 9. Phân loại mức độ rủi ro môi trường của khoản cấp tín dụng**

1. Tổ chức tín dụng thực hiện phân loại mức độ rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của khoản cấp tín dụng như sau:

a) Đề nghị cấp tín dụng, khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng thấp;

b) Đề nghị cấp tín dụng, khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng trung bình;

c) Đề nghị cấp tín dụng, khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng cao.

2. Tổ chức tín dụng xây dựng tiêu chí, công cụ đánh giá rủi ro môi trường để phân loại rủi ro môi trường đối với các khoản đề nghị cấp tín dụng, khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc Nhóm I - nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao, thì tổ chức tín dụng không được đánh giá, phân loại rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng ở mức thấp.

**Điều 10. Quản lý rủi ro đối với khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường**

Tổ chức tín dụng quản lý rủi ro môi trường đối với khoản cấp tín dụng của khách hàng theo quy trình nội bộ về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và đảm bảo được yêu cầu sau:

1. Đối với các đề nghị cấp tín dụng có rủi ro môi trường, tổ chức tín dụng phải bổ sung các điều kiện cấp tín dụng khi quyết định cấp tín dụng như:

a) Cam kết của khách hàng tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, hạn chế rủi ro về môi trường;

b) Các biện pháp tăng cường công tác kiểm tra sử dụng vốn, đánh giá khả năng trả nợ, tình hình chấp hành quy định về bảo vệ môi trường của khách hàng.

2. Đối với khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường, tổ chức tín dụng phải thực hiện:

a) Thường xuyên đánh giá lại rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với khoản cấp tín dụng.

b) Cảnh báo khách hàng về mức độ rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, yêu cầu khách hàng thực hiện đầy đủ cam kết về tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

c) Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng thu hồi nợ từ các biện pháp bảo đảm;

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của khách hàng vay vốn, tình hình chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, thu hồi nợ.

đ) Xác định trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan để có biện pháp hạn chế, xử lý.

3. Thực hiện báo cáo nội bộ về rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của tổ chức tín dụng. Nội dung báo nội bộ về rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng thực hiện theo báo cáo nội bộ về rủi ro tín dụng của tổ chức tín dụng.

**Điều 11. Quy trình nội bộ quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng**

Quy trình nội bộ về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng do tổ chức tín dụng xây dựng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và tối thiểu gồm các nội dung sau:

1. Quy định về rà soát, phân loại đề nghị cấp tín dụng, khoản cấp tín dụng phải thực hiện đánh giá rủi ro môi trường;

2. Quy định về thông tin cần thu thập để đánh giá rủi ro môi trường trước khi quyết định cấp tín dụng theo từng lĩnh vực và đối tượng khách hàng; cơ chế trao đổi thông tin với các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác;

3. Quy định về phân loại mức độ rủi ro môi trường đối với khoản cấp tín dụng, các điều kiện cấp tín dụng bổ sung; tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro môi trường vào hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của tổ chức tín dụng;

4. Hướng dẫn quản lý các khoản cấp tín dụng có rủi ro môi trường;

5. Hướng dẫn thực hiện báo cáo rủi ro môi trường phục vụ công tác quản lỷ rủi ro môi trường;

6. Quy định về phân công nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức, phòng ban nghiệp vụ quản lý rủi ro môi trường.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01tháng 01 năm 2022.

2. Đối với các hợp đồng cho vay ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý rủi ro hiện hành và hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng tại thời điểm cấp tín dụng hoặc thỏa thuận với khách hàng để cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro môi trường theo quy định tại Thông tư này.

3. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các tổ chức tín dụng phải ban hành Quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Ban Lãnh đạo NHNN;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử NHNN;  - Lưu: VP, PC, TD5 (3 bản). | **KT. THỐNG ĐỐC**  **PHÓ THỐNG ĐỐC**  **Đào Minh Tú** |